

Bản án số: 12/2018/HS-ST
Ngày 30-3-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hoà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Phi Hoàn và bà Đào Minh Sở.

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Viên, Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: Ông Hà Văn Thiệu, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn L, sinh ngày 08 tháng 5 năm 1992; tại: huyện B, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản N, xã C, huyện B, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: Lớp 8/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Hoàng Văn N, sinh năm 1947 và bà Lò Thị Đ, sinh năm 1954; có vợ: Mùi Thị C, sinh năm 1993 và 01 con sinh năm 2012; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Hoàng Văn Kh, sinh ngày 06 tháng 8 năm 1981; tại: huyện B, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản N, xã C, huyện B, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: Lớp 4/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Hoàng Văn N (đã chết) và bà Lò Thị P, sinh năm 1945; có vợ: Vì Thị G, sinh năm 1982 và 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2004; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. Hoàng Văn K, sinh ngày 28 tháng 12 năm 1985; tại: huyện B, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản N, xã C, huyện B, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: Lớp 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Hoàng Văn N, sinh năm 1954 và bà Lương Thị D, sinh năm 1962; có vợ: Hoàng Thị H, sinh năm 1985 và 03 con, con lớn nhất sinh năm

2005, con nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo tại ngoại, có mặt.

4. Hoàng Hải L (Hoàng Văn L), sinh ngày 07 tháng 10 năm 1970; tại: huyện B, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản N, xã C, huyện B, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: Lớp 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Đảng phái: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, bị đình chỉ sinh hoạt từ ngày 20/3/2018; con ông Hoàng Văn H, sinh năm 1949 và bà Mùi Thị D, sinh năm 1950; có vợ: Vì Thị Y, sinh năm 1977 và 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2000; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo tại ngoại, có mặt.

5. Hoàng Văn B, sinh ngày 01 tháng 11 năm 1986; tại: huyện B, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản N, xã C, huyện B, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: Không biết chữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Hoàng Văn S, sinh năm 1958 và bà Hoàng Thị B, sinh năm 1966; có vợ: Hà Thị N, sinh năm 1985 và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo tại ngoại, có mặt.

6. Hoàng Văn By, sinh ngày 18 tháng 11 năm 1997; tại: huyện B, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản N, xã C, huyện B, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: Lớp 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Hoàng Văn S, sinh năm 1958 và bà Hoàng Thị B, sinh năm 1966; có vợ: Lò Thị D, sinh năm 1995 và 01 con sinh năm 2013; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo tại ngoại, có mặt.

7. Hoàng Văn T, sinh ngày 05 tháng 6 năm 1990; tại: huyện B, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản N, xã C, huyện B, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: Lớp 02/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Hoàng Văn S (đã chết) và bà Hoàng Thị S, sinh năm 1966; có vợ: Lò Thị H, sinh năm 1991 và 01 con sinh năm 2009; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo tại ngoại, có mặt.

8. Lò Văn K, sinh ngày 18 tháng 01 năm 1981; tại: huyện B, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản N, xã C, huyện B, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: Lớp 03/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Lò Văn S, sinh năm 1961 và bà Hoàng Thị S, sinh năm 1963; có vợ: Lò Thị T, sinh năm 1986 và 01 con sinh năm 2013; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo tại ngoại, có mặt.

9. Đinh Văn S, sinh ngày 02 tháng 10 năm 1997; tại: huyện B, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản V, xã C, huyện B, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: Lớp 11/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Đinh Văn N, sinh năm 1967 và bà Lò Thị N, sinh năm

1971; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: không; tiền sự: không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Bị hại*: Công ty cổ phần tư vấn, xây dựng và thương mại I; địa chỉ: T, tòa nhà M Tower, ngõ 1, phường P, quận T, Thành phố Hà Nội; người đại diện theo ủy quyền Phạm Văn T, sinh năm 1979, thường trú: xã T, huyện B, Thành phố Hà Nội; tạm trú: bản C, xã C, huyện B, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Lò Văn K1, sinh 21/3/1971, nơi cư trú: bản S, xã C, huyện B, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* Lò Văn K: anh Lò Văn T, sinh năm 1986, nơi cư trú: bản C, xã C, huyện B, tỉnh Sơn La, có mặt.

- *Người làm chứng*: Lò Văn O, Hà Văn K, Đèo Văn D; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/7/2017 anh Phạm Văn T là phó ban điều hành nhà máy thủy điện X, ở bản S, xã C, huyện B, tỉnh Sơn La thuộc Công ty cổ phần tư vấn, xây dựng và thương mại I (Công ty I) có giao kết hợp đồng bằng miệng với Hoàng Văn Kh về việc Kh đứng ra nhận làm thuê thu gom dây điện cáp nhôm của nhà máy thủy điện từ đường ống dẫn nước ra đến cửa xả của nhà máy với chiều dài khoảng 900m và vận chuyển toàn bộ số dây điện này về Ban điều hành của nhà máy thủy điện, giá thỏa thuận là 5.200.000VNĐ. Nhận thực hợp đồng Kh thông báo nội dung công việc phải làm cho Hoàng Văn B, Hoàng Văn By, Hoàng Văn K, Lò Văn K, Hoàng Văn T, Đinh Văn S, Hoàng Hải L, Hoàng Văn L biết để cùng thực hiện hợp đồng. Sáng ngày 31/7/2017 tất cả tập trung tại nhà máy thủy điện X; tại đây Kh giao cho L và K đi lên phía khu vực đầu đường ống để cắt các đoạn dây điện để B, By, L, K, T, S kéo thu gom đến vị trí tập kết tại đầu thác nước suối Biên (tiếng địa phương) còn Kh thì ở lại nấu cơm. Khoảng 11 giờ ngày 31/7/2017 Lò Văn K1 đi đến hỏi mua dây điện thì L bảo với K1 là để hỏi xem đã, rồi L lấy điện thoại di động của mình gọi điện thoại hỏi K về nội dung có người hỏi mua dây điện, nghe vậy K quay lại hỏi L thì được L nhất trí bán, thấy L đồng ý bán dây điện K nói với L qua điện thoại “chặt được bốn đoạn rồi bán hết đi”. Kết thúc cuộc gọi L quay ra nói với B, By, K, T, S “chặt được bốn đoạn họ đồng ý bán, anh em có bán không”, B, By, K, T, S, nhất trí bán dây điện, L nói với K1 “chặt được bốn đoạn dây điện rồi chúng tôi sẽ bán hết” thì K1 nói “bán cho tôi nhé để tôi về nhà lấy tiền”. Sau khi nghe K1 nói như vậy L gặp Kh và nói lại cho Kh biết nội dung có người hỏi mua dây điện thì được Kh cùng đồng ý bán. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, K1 mang theo số tiền 2.000.000VNĐ và một chiếc cưa cắt sắt đến, sau khi xem dây điện K1 thỏa thuận, thống nhất mua 05 đoạn dây điện (04 đoạn dây 04 lõi, 01 đoạn dây 02 lõi) với giá tổng cộng 2.000.000VNĐ, K1 dùng chiếc cưa sắt cắt đoạn dây điện thành nhiều đoạn ngắn và kéo đến cạnh

suối Biên đề ở đó đến ngày 01/8/2017 K1 nhờ Lò Văn T, Đèo Văn D bốc vác dây điện lên xe ô tô của Hà Văn K chở về nhà. Sau khi bán dây điện cho K1 thì cả chín người tiếp tục đi kéo dây điện đến khoảng 18 giờ thì kéo xong toàn bộ số dây điện và giao cho anh T rồi tất cả cùng nhau đi về quán ông Lò Văn O ngồi uống nước. Tại đây L lấy số tiền bán dây điện ra đổi tiền lẻ với ông O và chia mỗi người được 220.000VNĐ, riêng L được 240.000VNĐ.

Phát hiện Công ty I bị chiếm đoạt tài sản, anh T đã có đơn trình báo, đề nghị cơ quan chức năng điều tra làm rõ. Tiến hành điều tra, xác định hiện trường đã thu giữ: 194,3m dây điện vặn xoắn 04 lõi XLPE ABC 4 X 150mm; 40,3m dây điện vặn xoắn 2 lõi XLPE ABC 2 X 150mm và 01 chiếc cửa bằng kim loại sắt, cầm tay, trên khung cửa có chữ AOLONG, lưỡi cửa bằng kim loại sắt dài 31cm, loại 02 lưỡi với anh Lò Văn K1; 01 điện thoại di động bàn phím nổi, nhãn hiệu NOKIA, bên trong có một sim Viettel: 01668540xxx với Hoàng Văn L; 01 con dao bằng kim loại sắt, mũi dao bằng, dao có tổng chiều dài 41cm, phần lưỡi dao dài 28cm, trên lưỡi dao có chữ PHUC, phần chuôi dao bằng nhựa màu trắng đục dài 13cm với Hoàng Văn By; 01 điện thoại di động bàn phím nổi, nhãn hiệu Qmobile 145, bên trong có một sim Viettel: 01669371xxx và 01 con dao bằng kim loại sắt, mũi dao nhọn, dao có tổng chiều dài 44cm, phần lưỡi dao dài 31cm, phần chuôi dao bằng nhựa màu trắng đục dài 13cm, đường kính 03cm với Hoàng Văn K.

Tháng 8/2017 các bị cáo đã tự nguyện giao nộp số tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam là 2.000.000VNĐ (L là 240.000VNĐ, Kh, L, By, B, K, T, S, K mỗi người 220.000VNĐ).

Ngày 18/9/2017 Hội đồng định giá tài sản huyện Bắc Yên kết luận về giá trị tài sản định giá gồm: 194,3 mét dây điện vặn xoắn 04 lõi loại dây điện XLPE ABC 4x 150mm có giá trị là 16.585.000VNĐ; 40,3 mét dây điện vặn xoắn 2 lõi loại dây điện XLPE ABC 2x 150mm có giá trị là 1.699.000VNĐ; tổng cộng là 18.284.000VNĐ.

Ngày 02/02/2018 Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả lại 192,7 mét dây điện vặn xoắn 04 lõi loại dây điện XLPE ABC 4x 150mm và 40,1 mét dây điện vặn xoắn 2 lõi loại dây điện XLPE ABC 2x 150mm cho Công ty I; riêng 18 đoạn dây điện đã cắt dài 10cm không còn giá trị sử dụng Công ty I không nhận lại.

Bản cáo trạng số: 07/CT-VKSBY ngày 22/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố các bị cáo Hoàng Văn L, Hoàng Văn Kh, Hoàng Văn K, Hoàng Hải L, Hoàng Văn B, Hoàng Văn By, Hoàng Văn T, Lò Văn K và Đinh Văn S về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu đó là do nhận thức hạn chế, bột phát nảy sinh ý định và thực hiện hành vi chiếm đoạt một phần tài sản, các bị cáo xin hưởng sự khoan hồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn L, Hoàng Văn Kh, Hoàng Văn K, Hoàng Hải

L, Hoàng Văn B, Hoàng Văn By, Hoàng Văn T, Lò Văn K và Đinh Văn S phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 140; điểm b, h, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt Hoàng Văn L, Hoàng Văn Kh, Hoàng Văn K, Hoàng Hải L từ 12 đến 16 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 24 đến 32 tháng; xử phạt Hoàng Văn B, Hoàng Văn By, Hoàng Văn T, Lò Văn K và Đinh Văn S từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 18 đến 24 tháng; không áp dụng phạt bổ sung đối với các bị cáo. Áp dụng điểm a khoản 1, 2 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm a, c khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: chấp nhận cơ quan điều tra đã trả lại 192,7 mét dây điện 04 lõi loại dây điện XLPE ABC và 40,1 mét dây điện 2 lõi loại dây điện XLPE ABC cho Công ty I; trả lại: 01 chiếc cửa bằng kim loại sắt, cầm tay, dài 48cm, lưỡi cửa bằng kim loại sắt dài 31cm cho anh Lò Văn K1; tịch thu sung quy nhà nước: 01 điện thoại di động bàn phím nổi, nhãn hiệu NOKIA, bên trong có một sim Viettel: 01668540xxx của Hoàng Văn L; 01 điện thoại di động bàn phím nổi, nhãn hiệu Qmobile 145, bên trong có một sim Viettel: 01669371xxx của Hoàng Văn K; tịch thu và tiêu hủy: 16 đoạn dây điện XLPE ABC loại 04 lõi dài 10 cm và 02 đoạn dây điện XLPE ABC loại 02 lõi dài 10 cm; 01 con dao bằng kim loại sắt, trên lưỡi dao có chữ PHUC của Hoàng Văn By; 01 con dao bằng kim loại sắt, mũi dao nhọn, dao có tổng chiều dài 44cm của Hoàng Văn K; buộc các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm.

Các bị cáo tự bào chữa, tranh luận: nhất trí với cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Yên; xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương.

Bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị xét giảm hình phạt cho các bị cáo, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại gì.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lò Văn K tranh luận: nhất trí với luận tội của Viện kiểm sát, xin nhận lại số tiền 2.000.000VNĐ và 01 chiếc cửa, ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người khác không có ý kiến, khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Người đại diện của bị hại anh Phạm Văn T có đơn đề nghị xử vắng mặt; Hội đồng xét xử thấy lời khai có trong hồ sơ đã rõ, việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên quyết định xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[3] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Lời khai của các bị cáo tại phiên toà là thống nhất phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung kết luận điều tra, cáo trạng, biên bản xác định hiện trường, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập và phản ánh trong hồ sơ của vụ án, được thẩm tra, xác minh tại phiên toà, xác định: Ngày 31/7/2017 các bị cáo thực hiện nội dung hợp đồng giao kết việc thuê thu gom dây điện về bãi tập kết và hưởng tiền công với Công ty I tại công trình thủy điện X, ở bản S, xã C, huyện B, tỉnh Sơn La; quá trình thu gom được cắt ngắn dây điện hợp lý và không được bán, làm mất dây điện nhưng trong khoảng thời gian từ 11giờ 30 phút đến 14 giờ ngày 31/7/2017, các bị cáo đã tự ý bán 194,3 mét dây điện vắn xoắn 04 lõi loại dây điện XLPE ABC 4x 150mm và 40,3 mét dây điện vắn xoắn 02 lõi loại dây điện XLPE ABC 2x 150mm trong số dây điện công ty I thuê thu gom cho anh Lò Văn K1 được số tiền 2.000.000VNĐ đã chia nhau chi tiêu. Theo Kết luận định giá tài sản số: 09/KL-HĐĐG ngày 18/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện B: 194,3 mét dây điện vắn xoắn 4 lõi loại dây điện XLPE ABC 4x 150mm có giá trị là 16.585.000VNĐ; 40,3 mét dây điện vắn xoắn 2 lõi loại dây điện XLPE ABC 2x 150mm có giá trị là 1.699.000VNĐ; tổng cộng là 18.284.000VNĐ.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, với lỗi cố ý trực tiếp các bị cáo đã lợi dụng lòng tin, lợi dụng tín nhiệm của chủ tài sản giao cho tài sản (thông qua hợp đồng thu gom tài sản) để rồi các bị cáo tự ý mang bán một phần tài sản lấy tiền chi tiêu cá nhân, hành vi sử dụng tài sản của các bị cáo không đúng nghĩa vụ đã cam kết dẫn đến việc không trả lại tài sản cho chủ sở hữu; hành vi đó đã xâm hại quyền sở hữu của người khác về tài sản có giá trị 18.284.000VNĐ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Hoàng Văn L, Hoàng Văn Kh, Hoàng Văn K, Hoàng Hải L, Hoàng Văn B, Hoàng Văn By, Hoàng Văn T, Lò Văn K và Đinh Văn S phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 “Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm: b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản”.

[4] Về tính chất mức độ của hành vi: Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bản thân các bị cáo tuổi còn rất trẻ, bị cáo L là đảng viên nhưng ý thức coi thường kỷ cương xã hội, pháp luật của Nhà nước, ăn chơi, thích hưởng thụ bằng tài sản của người khác nên khi được chủ tài sản thuê và trả tiền công việc thu gom dây điện thì các bị cáo đã tư lợi cá nhân, vi phạm cam kết, vi phạm nghĩa vụ thỏa thuận, bội tín nhằm mục đích

chiếm đoạt một phần tài sản, các bị cáo đã cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, các bị cáo không có sự phân công, không có sự cấu kết chặt chẽ nên chưa được coi là có tổ chức, theo quy định tại Điều 20, 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 thì các bị cáo là đồng phạm giản đơn và phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình trong đó Hoàng Văn L, Hoàng Văn Kh, Hoàng Văn K, Hoàng Hải L là người giữ vai trò chính (L trực tiếp đứng ra bán, cầm tiền) đồng thời cũng là người thực hành tích cực cùng các bị cáo chiếm đoạt tài sản của người khác bán được 2.000.000VNĐ chia nhau. Tội phạm các bị cáo thực hiện đã hoàn thành, hậu quả xảy ra không những xâm phạm quyền sở hữu, làm thiệt hại về tài sản (dây điện bị cắt ngắn thành nhiều đoạn) của bị hại mà còn làm ảnh hưởng xấu về trật tự an toàn xã hội, trật tự trị an ở địa phương nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng là đúng người, đúng tội; tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội quy kết các bị cáo phạm tội và đề nghị hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ và phù hợp.

[5] Về tình tiết tăng nặng: các bị cáo không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: các bị cáo không có tiền án, tiền sự; đã tự nguyện nộp tiền để bồi thường, khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (từ trước tới nay chưa phạm tội lần nào, tội phạm gây nguy hại không lớn cho xã hội (dưới 50.000.000VNĐ), mức cao nhất của khung hình phạt là đến ba năm tù); các bị cáo thành khẩn khai báo (khai đầy đủ, đúng sự thật tất cả những gì liên quan đến hành vi phạm tội), ăn năn hối cải (sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo luôn thể hiện sự cắn rứt, dày vò lương tâm, mong muốn sửa chữa, cải tạo mình thành người tốt). Do đó, xét cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Các bị cáo là dân lao động, người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, xa, vùng ba, nhận thức pháp luật hạn chế, thực hiện hành vi phạm tội bột phát, bị cáo L là con của Thương binh (bố đẻ Hoàng Văn N, thương binh loại A 1/8), bị cáo L là con của người có công với cách mạng (bố đẻ Hoàng Đức H, bố vợ Vì Văn H đều được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất), bị cáo Kh là con của người có công (bố vợ Lò Văn L được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng 3), bị cáo S là cháu của Liệt sĩ (ông nội Đinh Văn N là Liệt sĩ, Quyết định số 22/TTGa ngày 21/01/1975), bị cáo K là con của người có công với cách mạng (bố đẻ Hoàng Văn N được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì), bản thân K có bệnh động kinh ảnh hưởng đến trí nhớ; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó, xét cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, mức cao nhất của khung phạt đến 3 năm tù, nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, có đơn xin giảm nhẹ hình phạt được chính quyền địa

phương xác nhận, có khả năng tự cải tạo, tuổi đời các bị cáo còn trẻ cần thiết giúp đỡ các bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh trở thành công dân có ích cho xã hội nên cho các bị cáo hưởng sự khoan hồng của pháp luật theo khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, cho các bị cáo tự cải tạo tại địa phương nhưng ấn định thời gian thử thách cũng nhằm răn đe, phòng ngừa giáo dục chung cho các hành vi tương tự xảy ra ở địa phương hiện nay.

[7] Theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, các bị cáo lao động trồng trọt thu nhập thấp, không có tài sản giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[8] Về biện pháp ngăn chặn: Các bị cáo bị phạt tù cho hưởng án treo, có nơi cư trú rõ ràng, không có căn cứ cho thấy bị cáo trốn hoặc tiếp tục phạm tội do vậy các bị cáo được tại ngoại.

[9] Đối với Lò Văn K1 là người được mua bán tài sản với các bị cáo; Lò Văn T, Đèo Văn D là người giúp sức bốc vác dây điện lên xe ô tô của Hà Văn K chở về cho anh K nhưng ngay tình, không biết rõ nguồn gốc tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý.

[10] Vật chứng của vụ án:

192,7 mét dây điện vặn xoắn 04 lõi loại dây điện XLPE ABC 4x 150mm và 40,1 mét dây điện vặn xoắn 2 lõi loại dây điện XLPE ABC 2x 150mm cho Công ty I là tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty I; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B thu giữ và trả lại chủ sở hữu là đúng thẩm quyền, có căn cứ khoản 2 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

16 đoạn dây điện XLPE ABC 4x 150mm loại 04 lõi dài 10 cm và 02 đoạn dây điện XLPE ABC 2x 150mm loại 02 lõi dài 10 cm là tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty I nhưng công ty I xác định không còn giá trị, không nhận lại nên cần tịch thu và tiêu hủy, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

01 con dao bằng kim loại sắt, trên lưỡi dao có chữ PHUC, phần chuôi dao bằng nhựa màu trắng đục dài 13cm là vật dụng của Hoàng Văn By; 01 con dao bằng kim loại sắt, mũi dao nhọn, dao có tổng chiều dài 44cm, phần chuôi dao bằng nhựa màu trắng đục dài 13cm là vật dụng của Hoàng Văn K đã dùng để thu gom dây điện, By và K xác định không còn giá trị nên cần tịch thu và tiêu hủy, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

01 điện thoại di động bàn phím nổi, nhãn hiệu NOKIA, bên trong có một sim Viettel: 01668540xxx là của Hoàng Văn L; 01 điện thoại di động bàn phím nổi, nhãn hiệu Qmobile 145, bên trong có một sim Viettel: 01669371xxx là của Hoàng Văn K, các bị cáo đã sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội nên tịch thu sung quy nhà nước, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

01 chiếc cửa bằng kim loại sắt, cầm tay, dài 48cm, trên khung cửa có chữ AOLONG, lưới cửa bằng kim loại sắt dài 31cm không phải là vật chứng nên trả lại cho chủ sở hữu anh Lò Văn K1, căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại tài sản nên không có căn cứ giải quyết; xét yêu cầu bồi hoàn của anh Lò Văn K1 thấy: các bị cáo đã cố ý giấu anh K1 về nguồn gốc để mua bán tài sản và nhận số tiền 2.000.000VNĐ là giao dịch dân sự vô hiệu do bị lừa dối, cơ quan chức năng đã thu giữ tài sản trả lại cho chủ sở hữu nên anh K1 yêu cầu các bị cáo phải bồi hoàn là có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu buộc các bị cáo phải bồi hoàn số tiền 2.000.000VNĐ cho anh Lò Văn K1, căn cứ Điều 122, 127, 131 Bộ luật Dân sự năm 2015. Ghi nhận các bị cáo đã nộp số tiền 2.000.000VNĐ (Chi cục Thi hành án dân sự huyện B đang quản lý).

[12] Về án phí: Tài liệu trong hồ sơ xác định các bị cáo là người dân tộc thiểu số, bị cáo L, L, By, K, B là hộ nghèo nhưng các bị cáo không có đơn, không đề nghị xin miễn nộp tiền án phí. Do đó, buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 140; điểm b, h, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 53; khoản 1, 2 Điều 60; điểm a khoản 1, 2 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm a, c khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 122, 127, 131 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đối với cả chín bị cáo.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Hoàng Văn L, Hoàng Văn Kh, Hoàng Văn K, Hoàng Hải L (Hoàng Văn L), Hoàng Văn B, Hoàng Văn By, Hoàng Văn T, Lò Văn K và Đinh Văn S phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Xử phạt:

- Bị cáo Hoàng Văn L 14 (Mười bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 28 (Hai mươi tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án 30/3/2018.

- Bị cáo Hoàng Văn Kh 14 (Mười bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 28 (Hai mươi tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án 30/3/2018.

- Bị cáo Hoàng Văn K 14 (Mười bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 28 (Hai mươi tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án 30/3/2018.

- Bị cáo Hoàng Hải L 14 (Mười bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 28 (Hai mươi tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án 30/3/2018.

- Bị cáo Hoàng Văn B 10 (Mười) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 20 (Hai mươi) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án 30/3/2018.

- Bị cáo Hoàng Văn By 10 (Mười) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 20 (Hai mươi) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án 30/3/2018.

- Bị cáo Hoàng Văn T 10 (Mười) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 20 (Hai mươi) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án 30/3/2018.

- Bị cáo Lò Văn K 10 (Mười) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 20 (Hai mươi) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án 30/3/2018.

- Bị cáo Đinh Văn S 10 (Mười) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 20 (Hai mươi) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án 30/3/2018.

Không áp dụng phạt bổ sung, phạt tiền đối với các bị cáo. Giao các bị cáo Hoàng Văn L, Hoàng Văn Kh, Hoàng Văn K, Hoàng Hải L (Hoàng Văn L), Hoàng Văn B, Hoàng Văn By, Hoàng Văn T, Lò Văn K và Đinh Văn S cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Sơn La; giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự: buộc các bị cáo Hoàng Văn L, Hoàng Văn Kh, Hoàng Văn K, Hoàng Hải L (Hoàng Văn L), Hoàng Văn B, Hoàng Văn By, Hoàng Văn T, Lò Văn K và Đinh Văn S phải bồi hoàn số tiền 2.000.000VNĐ (Hai triệu đồng), trong đó L là 240.000VNĐ (Hai trăm bốn mươi nghìn đồng), Kh, L, By, B, K, T, S, K mỗi người 220.000VNĐ (Hai trăm nghìn đồng) cho anh Lò Văn K1. Ghi nhận các bị cáo đã nộp đủ số tiền 2.000.000VNĐ (Hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Sơn La).

4. Về vật chứng:

- Trả lại: 01 chiếc cửa bằng kim loại sắt, cầm tay, dài 48cm, trên khung cửa có chữ AOLONG, lưỡi cửa bằng kim loại sắt dài 31cm cho anh Lò Văn K1.

- Tịch thu sung quy nhà nước: 01 điện thoại di động bàn phím nổi, nhãn hiệu NOKIA, bên trong có một sim Viettel: 01668540xxx của Hoàng Văn L; 01 điện thoại di động bàn phím nổi, nhãn hiệu Qmobile 145, bên trong có một sim Viettel: 0166937xx của Hoàng Văn K.

- Tịch thu và tiêu hủy: 16 đoạn dây điện XLPE ABC 4x 150mm loại 04 lõi dài 10 cm và 02 đoạn dây điện XLPE ABC 2x 150mm loại 02 lõi dài 10 cm của Công ty I.

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 con dao bằng kim loại sắt, trên lưỡi dao có chữ PHUC của Hoàng Văn By; 01 con dao bằng kim loại sắt, mũi dao nhọn, dao có tổng chiều dài 44cm của Hoàng Văn K.

(Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/02/2018 giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Sơn La).

5. Về án phí: buộc các bị cáo Hoàng Văn L, Hoàng Văn Kh, Hoàng Văn K, Hoàng Hải L, Hoàng Văn B, Hoàng Văn By, Hoàng Văn T, Lò Văn K và Đinh Văn S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000VNĐ (Hai trăm nghìn đồng) đối với một bị cáo.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/3/2018); riêng bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện B;
- CA huyện B (CSĐT, THAHS);
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hoà